

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư: Công ty Truyền tải điện 1; <i>Địa chỉ: Số 15, Cửa Bắc, Phường Ba Đình, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam.</i> Mã số thuế: 0102743068-005 Tài khoản:
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: ___ <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu].</i>
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Địa điểm dự án: Bàn giao máy tại trụ sở Truyền tải điện Đông Bắc 3, Sửa chữa tại <b>xưởng của nhà thầu</b>
<b>E-ĐKC 2.2</b> <b>(i)</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: <ol style="list-style-type: none"><li>1. Các tài liệu kỹ thuật liên quan.</li><li>2. Công khai thông tin về quy định của Tập đoàn điện lực Việt Nam khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng:<ul style="list-style-type: none"><li>- Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã có Quyết định số 61/QĐ-EVN ngày 27/01/2023 v/v ban hành Quy định về công tác đánh giá chất lượng nhà thầu thực hiện hợp đồng trong Tập đoàn Điện lực Quốc Gia Việt Nam (quyết định 61).</li><li>- Quyết định 61 nêu trên đã được đăng tải trên mục Văn bản pháp quy của Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu Thầu của EVN tại địa chỉ <a href="https://dauthau.evn.com.vn/">https://dauthau.evn.com.vn/</a>.</li></ul></li></ol> <p>Đề nghị các nhà thầu truy cập đường dẫn tại địa chỉ <a href="https://dauthau.evn.com.vn/">https://dauthau.evn.com.vn/</a> để tìm hiểu các thông tin quy định của EVN trong quá trình hiện Hợp đồng</p>
<b>E-ĐKC 4.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: <i>Bộ phận Kế hoạch vật tư – Đội Truyền tải điện Đông Bắc 3</i> <ul style="list-style-type: none"><li>- Địa chỉ: <i>Tổ 15, Phường Quan Triều, Tỉnh Thái Nguyên.</i></li><li>- Điện thoại: 0208.3744856.</li><li>- Fax:</li><li>- Địa chỉ email: <i>nguyentuandb3@gmail.com.</i></li></ul>
<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 03% giá hợp đồng.</li><li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước)</li></ul></li></ul>

	<p>cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.</p> <p>+ Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 03 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 07 [<i>ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực</i>] ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
<p><b>E-ĐKC 5. 4</b></p>	<p>Chủ đầu tư phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu ngay sau khi hoặc không chậm hơn 28 ngày kể từ khi công trình được nghiệm thu, bàn giao, đồng thời Nhà thầu đã chuyển sang thực hiện nghĩa vụ bảo hành theo quy định</p> <p><b>- Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng:</b></p> <p>Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:</p> <p>+ Các nội dung đã được quy định tại mục 37.2 Chương I/E-HSMT;</p> <p>+ Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>+ Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền</p>

	<p>tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p><b>- Trường hợp Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hoặc Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng:</b> Chủ đầu tư có quyền thực hiện hình thức cảnh cáo Nhà thầu bằng văn bản. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT.</p> <p><b>- Gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng:</b></p> <p>- Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>- Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 6.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: __ <i>Không áp dụng</i>
<b>E-ĐKC 6.2</b>	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: <i>Không áp dụng.</i>
<b>E-ĐKC 6.4</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: <i>Không áp dụng.</i>
<b>E-ĐKC 10.1</b>	Loại hợp đồng: <b>Trọn gói</b>
<b>E-ĐKC 10.2</b>	Giá hợp đồng: <b>Cố định</b>
<b>E-ĐKC 11</b>	<p>Điều chỉnh thuế: <b>Được phép.</b></p> <p><i>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh</i></p>

	<i>thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng</i>
<b>E-ĐKC 12.1</b>	<p>Tạm ứng:</p> <p>Tạm ứng: Sau khi hợp đồng có hiệu lực, Bên A sẽ tạm ứng cho bên B 20% giá trị hợp đồng (trước thuế) đã ký trong vòng 14 ngày làm việc sau khi Bên B xuất trình đủ các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy yêu cầu tạm ứng của Bên B.</li> <li>- Biên bản bàn giao mặt bằng (nếu có).</li> <li>- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</li> <li>- Bảo lãnh tiền tạm ứng theo Mẫu số 16 Chương VIII (nếu cần thiết theo yêu cầu chủ đầu tư)</li> </ul>
<b>E-ĐKC 13.1</b>	<p>Phương thức thanh toán: Chuyển khoản, phí chuyển khoản do nhà thầu thanh toán.</p> <p>Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ thống nhất trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng sau này, dựa trên nguyên tắc thanh toán như sau:</p> <p>Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện một lần sau khi nhà thầu hoàn thành các trách nhiệm theo hợp đồng với giá trị bằng giá trị hợp đồng trừ đi giá trị tạm ứng (nếu có). Trường hợp không thể xác định được chi tiết giá trị hoàn thành tương ứng với từng hạng mục công việc hoặc giai đoạn nghiệm thu hoàn thành thì có thể quy định thanh toán theo tỷ lệ phần trăm (%) giá trị hợp đồng.</p> <p>Hình thức thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các nội dung hồ sơ chứng từ thanh toán (chi tiết, số lượng bản gốc bản chụp, hồ sơ bổ sung...) sẽ thống nhất trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.</li> </ul> <p>Bảo hành dịch vụ:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thời gian bảo hành công trình được tính từ ngày chủ đầu tư ký Biên bản nghiệm thu hạng mục dịch vụ đã hoàn thành để đưa vào sử dụng và được xác định là ...(theo E-HSMT) <b>12</b> tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao dịch vụ vào sử dụng. Thời gian bảo hành dịch vụ phải được gia hạn cho đến khi khắc phục xong các sai sót do lỗi của nhà thầu.</li> <li>2. Yêu cầu về bảo hành công trình như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trong thời gian bảo hành công trình, Nhà thầu phải khắc</li> </ul> </li> </ol>

phục khiếm khuyết hoặc công trình vận hành, sử dụng không bình thường do lỗi của Nhà thầu gây ra trong quá trình thi công bằng chi phí của Nhà thầu. Việc sửa chữa các lỗi này phải được bắt đầu trong vòng không quá 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về các lỗi này. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này. Chi phí được khấu trừ vào tiền bảo hành, giá trị hợp đồng và thông báo cho Nhà thầu giá trị trên, Nhà thầu buộc phải chấp thuận giá trị trên.

+ Hình thức bảo hành: Thư bảo lãnh của Ngân hàng (Phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành).

+ Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày dịch vụ được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 05% (năm phần trăm) giá trị hợp đồng.

+ Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, hiệu chỉnh dịch vụ trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa, hiệu chỉnh dịch vụ, giai đoạn bảo hành tương ứng của dịch vụ đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa, hiệu chỉnh dịch vụ đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì

	<p>Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, hiệu chỉnh kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.</p>
<p><b>E-ĐKC 13.2</b></p>	<p>Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng</p>
<p><b>E-ĐKC 15</b></p>	<p>Căn cứ quy mô, tính chất và yêu cầu của gói thầu mà quy định cụ thể nội dung này theo một trong các cách thức sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạt vi phạm hợp đồng : <b>Áp dụng</b>.</li> </ol> <p>Trường hợp áp dụng phạt vi phạm hợp đồng thì quy định như sau: Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với 0,2%/ ngày cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 12%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19E-ĐKC. Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>2. Bồi thường thiệt hại: <b>Áp dụng</b>.</li> </ol>

	<p>Trường hợp áp dụng bồi thường thiệt hại thì quy định về bồi thường thiệt hại theo một trong các cách thức sau:</p> <p>+ Ngoài mức phạt theo thỏa thuận nêu trên, Nhà thầu còn phải bồi thường các thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) trong trường hợp do chậm trễ cung cấp dịch vụ, do các sai sót, do hành vi vi phạm hợp đồng của Nhà thầu dẫn đến thiệt hại cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) về người và tài sản trong thời gian thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư và bên thứ 3 (nếu có) toàn bộ (100%) giá trị thiệt hại thực tế.</p> <p>+ Ngoài mức phạt vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng nêu trên, Chủ đầu tư cảnh cáo nhà thầu bằng văn bản làm cơ sở để đánh giá uy tín của nhà thầu thông qua tiến độ và chất lượng thực hiện các hợp đồng tương tự khi tổ chức đấu thầu các gói thầu xây lắp thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia. Việc cảnh cáo sẽ được báo cáo EVNNPT, niêm yết tại trang web nội bộ của EVNNPT và thông báo đến toàn thể các đơn vị thành viên của EVNNPT. Đồng thời, Tập đoàn điện lực Việt Nam sẽ phê duyệt kết quả đánh giá chất lượng nhà thầu để làm cơ sở đánh giá uy tín nhà thầu. Nhà thầu truy cập mục văn bản pháp quy Hệ thống Thông tin Quản lý Đấu thầu của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tại địa chỉ <a href="http://dauthau.evn.com.vn">http://dauthau.evn.com.vn</a> để nắm bắt được các thông tin:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Quy định của EVN khi đánh giá quá trình thực hiện Hợp đồng và cập nhật kết quả đánh giá.</li> <li>• Quy định của EVN về việc áp dụng kết quả đánh giá.</li> </ul> <p>- Yêu cầu về phạt do Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo thời gian quy định trong hợp đồng: Không áp dụng.</p>
<b>E-ĐKC 17.1</b>	Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: tuân thủ theo quy định tại Điều 70 Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023.
<b>E-ĐKC 17.4</b>	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18(e)</b>	Các trường hợp khác: sẽ được đàm phán, thống nhất trong quá trình hoàn thiện hợp đồng

<b>E-ĐKC 20.1</b>	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Tiến độ, chất lượng dịch vụ</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: sẽ cụ thể trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng</p>
<b>E-ĐKC 21.2</b>	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 07 ngày</p>
<b>E-ĐKC 22.2</b>	<p>1. Trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua việc hòa giải giữa hai bên. Số ngày tiến hành hòa giải tối đa là 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp.</p> <p>2. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc thì hai bên phải cùng bàn bạc giải quyết. Sau thời gian quy định trên nếu Bên A và Bên B không thể giải quyết được vấn đề tranh chấp thì hai bên chọn Toà án cấp có thẩm quyền có địa điểm đặt tại địa bàn Bên A để được xét xử giải quyết. Phán quyết của Toà án là tối thượng cuối cùng buộc hai bên phải chấp hành. Bên có lỗi chịu mọi chi phí liên quan đến Toà án.</p> <p>Thời hạn để nhà thầu thực hiện quyền phản đối, khiếu nại đối với các quyết định xử lý vi phạm, quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng của chủ đầu tư (nếu có) là 90 ngày kể từ ngày nhà thầu nhận được các quyết định đó. Hết thời hạn này, nếu nhà thầu không có văn bản phản đối thì các quyết định xử lý vi phạm của chủ đầu tư sẽ là căn cứ để đánh giá năng lực kinh nghiệm và uy tín nhà thầu khi tham gia các gói thầu tương tự, trừ trường hợp nội dung phản đối đã được tòa án hoặc trọng tài thụ lý giải quyết theo quy định pháp luật về tố tụng.</p> <p>Luật áp dụng: Luật Việt Nam</p>